BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT

Số: 3076 /QĐ-ĐHGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Thạc sĩ

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định số 42/CP ngày 24/3/1962 của Hội đồng chính phủ (Nay là Chính phủ) về việc thành lập Trường Đại học Giao thông Vận tải;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ nghị quyết số 34/NQ-HĐT ngày 30/12/2021 của Hội đồng Trường ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2016/QĐ-ĐHGTVT ngày 11/9/2023 về việc ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của ông Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ cho 75 học viên cao học của Trường đại học Giao thông Vận tải.

(*Danh sách kèm theo*)

Điều 2. Các học viên trong danh sách kèm theo được hưởng mọi quyền lợi ghi trong Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Đào tạo Sau đại học, Hành chính - Tổng hợp, Tài chính - Kế toán, các đơn vị có liên quan và các học viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu HCTH, ĐTSĐH (10).

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

GS.TS. Nguyễn Ngọc Long

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GTVT

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

(Kèm theo quyết định số: 3076 /QĐ-ĐHGTVT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Giao thông Vận tải)

TT	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	NGÀNH ĐÀO TẠO	MHV	KHÓA
1	Phùng Duy Hải	Nam	13/12/1989	Hà Nội	**Kỹ thuật xây dựng CTGT** (cầu hầm)	4193310	27.2BS
2	Vũ Xuân Vĩnh	Nam	12/01/1985	Hà Nội	-nt-	4193334	27.2BS
3	Đoàn Thế Huy	Nam	05/06/1998	Hải Phòng	-nt-	4211023	29.1
4	Nguyễn Quang Khải	Nam	17/09/1998	Hà Nội	-nt-	4211025	29.1
5	Nguyễn Hữu Quyết	Nam	26/10/1998	Bắc Giang	-nt-	4211034	29.1
6	Vũ Tuấn Anh	Nam	30/12/1979	Hà Nội	**Kỹ thuật xây dựng CTGT** (đường bộ)	4193303	27.2BS
7	Lương Văn Hân	Nam	26/06/1988	Hưng Yên	-nt-	4193312	27.2BS
8	Đặng Hoàng Hiệp	Nam	03/02/1980	Thái Bình	-nt-	4193313	27.2BS
9	Đào Xuân Huy	Nam	08/07/1986	Thanh Hóa	-nt-	4193315	27.2BS
10	Nguyễn Văn Nghĩa	Nam	25/02/1986	Hải Dương	-nt-	4193318	27.2BS
11	Phạm Minh Quang	Nam	23/12/1991	Thái Bình	-nt-	4193322	27.2BS
12	Phạm Văn Sơn	Nam	08/05/1980	Điện Biên	-nt-	4193323	27.2BS
13	Phạm Văn Trường	Nam	09/04/1981	Hà Nội	-nt-	4193330	27.2BS
14	Tống Anh Tuấn	Nam	26/06/1987	Nam Định	-nt-	4193331	27.2BS
15	Lâm Thị Xuân	Nữ	18/07/1983	Ninh Bình	-nt-	4193335	27.2BS
16	Hoàng Đăng Sơn	Nam	15/11/1989	Phú Thọ	-nt-	4201093	28.1
17	Hà Văn Thóa	Nam	19/08/1994	Thái Bình	-nt-	4201516	28.2
18	Trần Tuấn Anh	Nam	07/07/1996	Hà Nội	-nt-	4211002	29.1
19	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	15/06/1998	Bắc Giang	-nt-	4211024	29.1
20	Vũ Quang Nam	Nam	17/08/1998	Phú Thọ	-nt-	4211032	29.1
21	Đào Văn Trường	Nam	29/10/1998	Hà Nội	-nt-	4211042	29.1
22	Lương Quốc Việt	Nam	30/01/1998	Hải Dương	-nt-	4211048	29.1
23	Lê Huy Hoàng	Nam	28/09/1993	Thanh Hóa	**Kỹ thuật xây dựng**	4201518	28.2
24	Nguyễn Quý Diệu	Nam	06/02/1986	Thanh Hóa	**Công nghệ thông tin**	4211055	29.1
25	Phạm Hồng Hải	Nam	15/10/1997	Hà Nội	-nt-	4211181	29.1
26	Đinh Mai Liên	Nữ	02/04/1985	Hà Nội	-nt-	4211056	29.1
27	Nguyễn Hoàng Phan	Nam	15/09/1995	Thái Bình	-nt-	4211057	29.1
28	Nguyễn Văn Thinh	Nam	14/09/1986	Hà Nội	-nt-	4211058	29.1
29	Phạm Thị Hồng Thu	Nữ	26/02/1987	Hải Dương	-nt-	4211060	29.1
30	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	23/09/1992	Hà Nội	-nt-	4211061	29.1
31	Nguyễn Quang Hưởng	Nam	23/07/1998	Hà Nam	**Kỹ thuật cơ khí động lực** (ĐM-TX)	4211110	29.1
32	Phạm Thị Thanh Thùy	Nữ	20/02/1998	Lâm Đồng	**Kỹ thuật cơ khí động lực** (CK ôtô)	4211111	29.1

TT	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	NGÀNH ĐÀO TẠO	MHV	KHÓA
33	Nguyễn Văn Toản	Nam	07/08/1985	Hà Nội	-nt-	4211112	29.1
34	Nguyễn Minh Trung	Nam	25/04/1998	Bắc Ninh	-nt-	4211113	29.1
35	Nguyễn Đức Đài	Nam	10/04/1987	Bắc Ninh	**Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa**	4201049	28.1
36	Phạm Thị Hồng Vân	Nữ	07/01/1989	Hà Nội	-nt-	4201050	28.1
37	Lê Đình Hiệt	Nam	30/03/1997	Hải Dương	-nt-	4201544	28.2
38	Nguyễn Thành Luân	Nam	07/02/1995	Bắc Giang	**Kỹ thuật điện tử**	4201538	28.2
39	Lê Quý Nhân	Nam	14/05/1993	Hà Nội	**Kỹ thuật viễn thông**	4193101	27.2
40	Lê Thị Hòa Bình	Nữ	01/09/1979	Phú Thọ	-nt-	4201040	28.1
41	Phạm Công Trọng	Nam	10/10/1985	Thái Bình	**Quản lý xây dựng** (KTXD)	4193363	27.2BS
42	Ngô Duy Công	Nam	05/09/1975	Hải Dương	-nt-	4201524	28.2
43	Vũ Ngọc Khánh	Nam	11/10/1988	Vĩnh Phúc	-nt-	4201528	28.2
44	Đinh Tuấn Sơn	Nam	15/08/1997	Bắc Giang	-nt-	4201533	28.2
45	Vi Trọng Hiếu	Nam	01/04/1989	Hà Giang	-nt-	4211075	29.1
46	Nguyễn Đình Cử Nhân	Nam	01/10/1992	Nghệ An	-nt-	4211091	29.1
47	Đinh Hà Sơn	Nam	16/09/1992	Tuyên Quang	-nt-	4211099	29.1
48	Ngô Thị Thu Trang	Nữ	08/10/1978	Khánh Hòa	**Quản lý xây dựng** (QLDA)	4193359	27.2BS
49	Nguyễn Hữu Việt	Nam	06/11/1991	Vĩnh Phúc	-nt-	4193364	27.2BS
50	Trần Thị Lệ Hằng	Nữ	12/03/1984	Hà Tĩnh	**Quản trị kinh doanh**	4193367	27.2BS
51	Lê Thị Ngọc	Nữ	20/10/1980	Nam Định	-nt-	4193368	27.2BS
52	Nguyễn Anh Tú	Nam	15/12/1982	Điện Biên	-nt-	4201030	28.1
53	Hà Thị Lan Anh	Nữ	30/08/1982	Hà Nội	-nt-	4201551	28.2
54	Hoàng Minh Hiển	Nam	11/11/1988	Hà Nội	-nt-	4201554	28.2
55	Nguyễn Thành Nam	Nam	06/04/1985	Hà Nội	-nt-	4201558	28.2
56	Hoàng Quý Phúc	Nam	21/09/1981	Hà Nội	**Quản lý kinh tế**	4192055	27.1
57	Đoàn Minh Phương	Nam	05/06/1995	Điện Biên	-nt-	4192056	27.1
58	Nguyễn Việt Thái	Nam	25/10/1989	Hà Nam	-nt-	4192057	27.1
59	Lưu Xuân Bách	Nam	29/04/1995	Hà Nội	-nt-	4193057	27.2
60	Hoàng Thị Kim Huệ	Nữ	20/01/1987	Hà Nội	-nt-	4193065	27.2
61	Nguyễn Thị Diệu Linh	Nữ	13/07/1988	Hà Nội	-nt-	4193070	27.2
62	Nguyễn Thị Thảo Trang	Nữ	22/12/1989	Hà Nội	-nt-	4193080	27.2
63	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	01/07/1996	Hà Nội	-nt-	4201002	28.1
64	Nguyễn Thị Ánh Ngọc	Nữ	21/08/1993	Bắc Giang	-nt-	4201016	28.1
65	Nguyễn Văn Quảng	Nam	10/01/1988	Hà Nội	-nt-	4201019	28.1
66	Đỗ Tất Thắng	Nam	11/05/1980	Hà Nội	-nt-	4201022	28.1
67	Vũ Văn Bằng	Nam	20/10/1977	Yên Bái	**Tổ chức và quản lý vận tải** (VTĐS)	4193347	27.2BS
68	Đoàn Thanh Đức	Nam	09/07/1997	Hà Nội	**Tổ chức và quản lý vận tải** (VTĐB)	4201059	28.1
69	Lê Quang Hợp	Nam	03/07/1982	Hà Nội	-nt-	4201060	28.1
70	Nguyễn Công Hùng	Nam	22/06/1972	Hà Nội	-nt-	4201061	28.1

TT	HỌ VÀ TÊN	GIỚI TÍNH	NGÀY SINH	NƠI SINH	NGÀNH ĐÀO TẠO	MHV	KHÓA
71	Ngô Đức Ngọc Quân	Nam	03/02/1997	Bắc Ninh	-nt-	4201064	28.1
72	Phạm Hồng Sơn	Nam	07/09/1983	Hà Nội	-nt-	4201065	28.1
73	Trần Xuân Trung	Nam	18/06/1979	Ninh Bình	-nt-	4201066	28.1
74	Phonexay LINTHAVONGSA	Nam	29/10/1983	Lào	-nt-	4211191	29.1
75	Vilanit PHOMMACHITH	Nam	27/08/1992	Lào	-nt-	4211192	29.1

Danh sách có 75 học viên.

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI

GS.TS. Nguyễn Ngọc Long